



Phiếu an toàn hóa chất






2025D

SDS Bản sửa đổi 1.0
Ngày tháng: 12/01/2024

1. TÊN SẢN PHẨM VÀ NHÀ SẢN XUẤT

Tên sản phẩm / Mã số sản phẩm : 2025D
Tên khác: VNP-2025D
Phạm vi và giới hạn sử dụng: Tham khảo bảng thông số kỹ thuật
Điện thoại và địa chỉ của nhà sản xuất cung ứng : CÔNG TY TNHH NAN PAO RESINS VIỆT NAM Số 10 Đại Lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương. +84-274-3790378 / +84-274-3790377 (Xưởng Việt Nam)
Điện thoại khẩn/ Fax : +84-274-3790378 / +84-274-3790377 (Xưởng Việt Nam)

2. DẤU HIỆU NHẬN BIẾT NGUY HIỂM

Phân loại hóa chất độc hại				
Chất oxy hóa thể rắn loại 2; H272	Có thể tăng cường quá trình đốt cháy; chất oxy hóa			
Dung dịch dễ bắt lửa loại 2; H225	Hơi và dung dịch có tính dễ cháy cao			
Độc cấp tính – nuốt phải loại 4; H302	Nuốt phải có hại			
Gây tổn thương nghiêm trọng/ kích ứng mắt loại 2; H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng			
Độc tính cơ quan đích cụ thể (1 lần phơi nhiễm); loại 3; H335	Có thể gây kích ứng đường hô hấp.			
Gây hại với môi trường nước – độc cấp tính loại 1; H400	Độc tính đối với sinh vật dưới nước vô cùng lớn			
Gây hại với môi trường nước – độc mãn tính loại 1; H410	Rất độc với sinh vật dưới nước và có ảnh hưởng lâu dài			
Nhãn dán				
				
Chất oxi hóa	Dễ cháy	Nguy hại	Nguy hại sức khỏe	Môi trường
Cảnh báo: Nguy hiểm				
Cảnh báo nguy hiểm :				
H272 Có thể tăng cường quá trình đốt cháy; chất oxy hóa				
H225 Dung dịch và hơi có tính dễ cháy cao				

H302 Nuốt phải có hại

H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

H335 Có thể gây kích ứng đường hô hấp.

H400 Độc tính đối với sinh vật dưới nước vô cùng lớn

H410 Độc tính đối với sinh vật dưới nước vô cùng lớn và có ảnh hưởng lâu dài

Phòng tránh nguy hiểm :

[Phòng tránh]:

P210 Tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa, lửa, bề mặt nóng. Cấm hút thuốc.

P233 Giữ thùng chứa được đóng kín.

P235 Giữ lạnh.

P240 Nối đất / kết nối thùng chứa và thiết bị hỗ trợ.

P241 Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng/thiết bị chống cháy nổ.

P242 Chỉ được dùng với các dụng cụ không phát ra tia lửa.

P243 Sử dụng các biện pháp chống tĩnh, đeo gang tay và khẩu trang thích hợp.

P261 Tránh hít dạng bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ phun.

P264 Rửa tay kỹ sau khi xử lý.

P271 Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc trong khu vực có hệ thống hút.

P273 Tránh thải ra môi trường.

P280 Mang găng tay bảo vệ / quần áo bảo hộ / bảo vệ mắt / bảo vệ mặt.

[Xử lý khi gặp sự cố]:

P301+312 Nếu không cẩn thận nuốt phải: Nếu cảm thấy không khỏe, hãy gọi cho trung tâm tư vấn thuốc hoặc nhờ bác sĩ tư vấn.

P304+340 Nếu không cẩn thận nuốt phải: di chuyển nạn nhân đến nơi có không khí trong lành, giữ tư thế sao cho hô hấp được thoải mái.

P312 Nếu cảm thấy không khỏe, gọi cho trung tâm tư vấn độc hại hoặc chăm sóc y tế

P305+351+338 Nếu văng vào mắt: Rửa sạch cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có thể. Tiếp tục rửa mắt. Nếu cảm thấy không khỏe, ngay lập tức gọi cho trung tâm giải độc hoặc bác sĩ.

P330 Nếu không cẩn thận nuốt phải: Súc miệng.

P337+313 Nếu vẫn tiếp tục bị kích ứng mắt: Tìm sự tư vấn hoặc chăm sóc y tế.

P370+378 Trong trường hợp hỏa hoạn: Sử dụng phương tiện chữa cháy được liệt kê trong mục số 5 của SDS để dập lửa.

P391 Thu gom hóa chất tràn đổ.

[Bảo quản]:

P403+233 Đặt tại nơi thông gió tốt. Đậy kín thùng chứa

P405 Khóa nắp chặt để lưu trữ.

[Phế thải]:

P501 Xử lý vớt bỏ phế thải và thùng chứa rỗng theo quy định của địa phương và quốc gia.

Mối nguy hại khác: Sản phẩm này không bao gồm hóa chất PBT/vPvB

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT NGUY HIỂM

DẠNG HỖN HỢP :

Thành phần và phân loại nguy cơ GHS của sản phẩm:

Tính chất hóa học :			
Thành phần hóa chất	Số CAS	Nồng độ/ (%)	Phân loại theo quy định ở Đài Loan *
Methyl ethyl ketone	Số CAS: 78-93-3 Số EC.: 201-159-0 Số Index: 606-002-00-3	1-5	Dung dịch dễ cháy loại 2 H225 Chất gây tổn thương nghiêm trọng/ kích ứng mắt loại 2 H319 Độc tính cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm 1 lần); hiệu ứng tê liệt loại 3 H336
Acetone	Số CAS: 67-64-1 Số EC.: 200-662-2 Số Index: 606-001-00-8	26-33	Dung dịch dễ cháy loại 2;H225 Chất gây tổn thương nghiêm trọng/ kích ứng mắt loại 2;H319 Độc tính cơ quan đích cụ thể sau 1 lần phơi nhiễm loại 3;H336
Sodium dichlorisocyanuric acid	Số CAS: 2893-78-9 Số EC.: 220-767-7 Số Index: 613-030-00-X	2-3	Chất oxy hóa thể rắn 2 H272 Độc cấp tính-nuốt phải loại 4; H302 Chất gây tổn thương / kích ứng mắt nghiêm trọng loại 2 H319 Độc tính cơ quan đích cụ thể (1 lần phơi nhiễm); loại 3; H335 Gây hại đối với môi trường nước-độc cấp tính loại 1 H400 Gây hại đối với môi trường nước độc mãn tính loại 1 H410 STOT SE 3; H335: C ≥ 10 % : C ≥ 10 %

Các thành phần không nguy hiểm

Chỉ định thành phần / hóa chất (số CAS)	Nồng độ (%)	Phân loại GHS
Nước Số CAS: 7732-18-5	60 - 70	Không nằm trong phân loại nguy hiểm

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Các biện pháp sơ cứu đối với các đường tiếp xúc khác nhau:
Chung : Trong tất cả các trường hợp nghi ngờ hoặc khi các triệu chứng vẫn tiếp tục, hãy tìm kiếm sự chăm sóc y tế. Không được cho bất cứ thứ gì vô miệng của người đang bất tỉnh.
Hít vào: Đưa người bệnh đến nơi không khí trong lành. Nếu như khó thở, lập tức cho thở Oxy, nếu ngừng thở, lập tức hô hấp nhân tạo và đưa đi chữa trị. Không cho nạn nhân ăn/ nuốt bất cứ thứ gì.
Tiếp xúc với da : Dùng nước và xà phòng rửa sạch, giày và quần áo ô nhiễm cần phải được cởi bỏ. Giặt sạch trước khi mặc và khi thấy ngứa phải đi chữa trị.
Tiếp xúc với mắt: Lập tức lật mí mắt trên và mí mắt dưới dùng nước rửa trên 15 phút, đồng thời đưa đi chữa trị ngay.
Nuốt vào: Tránh ép nôn, lập tức sơ cứu, để nạn nhân nghỉ ngơi, sau đó đưa đi chữa trị.
Những triệu chứng chủ yếu và ảnh hưởng độc hại: Chung : Không có sẵn dữ liệu triệu chứng cụ thể. Tiếp xúc với mắt : Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. Tiếp xúc với da : NA Nuốt phải: Nuốt phải có hại.
Phòng hộ của nhân viên cấp cứu: Nhân viên cứu hộ cần phải mặc quần áo bảo hộ loại C và di chuyển người, vật ra khu vực an toàn.
Lưu ý cho bác sĩ: Điều trị đúng theo triệu chứng.

5. BIỆN PHÁP PHÒNG CHÁY:

Chất chữa cháy: Dùng nước xịt, dạng bột, hóa chất làm khô, carbon dioxide.
Những nguy hiểm có thể gặp phải trong quá trình chữa cháy : nguy hiểm khi phân hủy: Carbon Dioxide, Carbon Monoxide Tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa, ngọn lửa trần, bề mặt nóng – Cấm hút thuốc. Giữ kín nắp thùng chứa Giữ lạnh. Nối đất / kết nối thùng chứa và thiết bị hỗ trợ.

Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng/thiết bị chống cháy nổ.

Chỉ được dùng với các dụng cụ không phát ra tia lửa.

Đề xa quần áo và các vật liệu dễ cháy.

Thực hiện tất cả các biện pháp phòng ngừa có thể để tránh trộn lẫn với các chất dễ cháy / ...

Tránh hít thở bụi/ khói/ khí/ sương mù/ hơi/ hơi nước.

Các phương pháp chữa cháy đặc biệt:

NA

Bảo hộ cho nhân viên cứu hỏa:

Như với tất cả các đám cháy, hãy đeo thiết bị thở áp suất dương, khép kín, (SCBA) với đầy đủ khẩu trang và quần áo bảo hộ. Những người không có thiết bị bảo vệ đường hô hấp nên rời khỏi khu vực. Mang SCBA trong quá trình dọn dẹp ngay sau khi hỏa hoạn. Cấm hút thuốc.

6. BIỆN PHÁP TRÁNH TAI NẠN:

Cảnh báo cá nhân:

Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân thích hợp (xem mục số 8).

Cảnh báo môi trường :

Không để hóa chất tràn vào cống rãnh hoặc đường nước.

Tạo thói quen vệ sinh cá nhân sạch sẽ. Rửa tay trước khi ăn, uống, hút thuốc hoặc đi vệ sinh. Nhanh chóng loại bỏ quần áo bẩn và giặt kỹ trước khi sử dụng lại.

Biện pháp vệ sinh:

Thông gió cho khu vực và tránh hít phải hơi. Thực hiện các biện pháp bảo vệ cá nhân được liệt kê trong mục số 8. Lau và thấm hóa chất tràn bằng vật liệu không cháy, ví dụ: cát, đất và vermiculite. Đặt trong các thùng chứa kín bên ngoài các tòa nhà và xử lý theo Quy định về Chất thải.(tham khảo mục 13). Tốt nhất nên dùng chất tẩy rửa để tẩy rửa. Không nên dùng dung môi. Không được để hóa chất tràn đổ chảy vào cống rãnh và nguồn nước. Nếu sông suối, ao hồ bị ô nhiễm, hãy báo cho Cục quản lý và bảo vệ môi trường.

7. CÁCH XỬ LÝ AN TOÀN VÀ PHƯƠNG PHÁP BẢO QUẢN

Tính ổn định :

Xem mục 2 để biết thêm chi tiết. - [Phòng ngừa]:

Bảo quản :

Xử lý thùng chứa cẩn thận để tránh hư hỏng và tràn đổ.

Hóa chất cần tránh: Không có dữ liệu.

Xem mục 2 để biết thêm chi tiết. - [Bảo quản]:

8. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA PHƠI NHIỄM

Kiểm soát kỹ thuật:

Cung cấp hệ thống thông gió đầy đủ. Trong trường hợp khả thi, nên sử dụng thiết bị thông gió tại chỗ. Nếu

điều này không đủ để duy trì nồng độ của các hạt dưới bất kỳ giới hạn hơi tiếp xúc nghề nghiệp nào, thì nên đeo mặt nạ phòng độc thích hợp.

Thông số kiểm soát					
Thành phần	Bình quân nồng độ cho phép trong 8 tiếng	Bình quân nồng độ cho phép trong khoảng thời gian ngắn	Nồng độ cho phép cao nhất	Quy phạm khác	
78-93-3 / Methyl ethyl ketone	200 ppm TWA; 590 mg/m3 TWA	250 ppm 737.5 mg/m3	0.02 ppm, 0.2 mg/m3	ACGIH	TWA: 50 ppmSTEL: 100 ppm
				NIOSH	TWA 200 ppm (590 mg/m3) ST 300 ppm (885 mg/m3)
67-64-1 / Acetone	200 ppm TWA; 475 mg/m3 TWA	250 ppm 593.75 mg/m3	NA	ACGIH	TWA: 500 ppmSTEL: 750 ppm
				NIOSH	250 ppm (590 mg/m3) TWA
2893-78-9 / Sodium dichlorisocyanuric acid	NA	NA	NA	ACGIH	NA
				NIOSH	NA
Thành phần	BEI				
78-93-3 /Methyl ethyl ketone	Hàm lượng MEK sau khi làm việc là 2mg/L (Ns)				
67-64-1 /Acetone	Hàm lượng ACE trong nước tiểu là 50mg/L (Ns)				
2893-78-9 /Sodium dichlorisocyanuric acid	NA				
Thiết bị bảo vệ cá nhân :					
Bảo vệ hô hấp :					
Nếu tiếp xúc vượt quá giới hạn phơi nhiễm thì sử dụng mặt nạ thích hợp và đã qua kiểm nghiệm để bảo vệ.					
Bảo vệ tay :					
Kiến nghị sử dụng bao tay.					
Bảo vệ mắt :					
Đeo kính bảo hộ có tấm chắn hai bên để bảo vệ mắt., kiến nghị lắp đặt thiết bị rửa mắt cố định					
Bảo vệ da và cơ thể :					
Tránh tiếp xúc với da.					
Biện pháp vệ sinh: Tuân theo biện pháp phòng bị, quần áo ô nhiễm cần lập tức thay, sau công việc phải rửa tay.					

9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Ngoại quan (trạng thái, màu sắc...vv) : dung dịch màu hồng/ hạt nhỏ màu trắng	Mùi vị : mùi ketone nhẹ/ mùi clo
Ngưỡng gây mùi : NA	Điểm tan chảy : NA

Giá trị pH: NA	Điểm sôi/ khoảng sôi : 89°C
Khả năng bắt lửa (thể rắn, thể khí) : NA	Điểm chớp cháy: Cách thử (Cốc đóng hoặc mở): -4°C (Cốc đóng)
Nhiệt độ phân hủy : NA	Giới hạn bốc cháy : NA
Nhiệt độ tự bốc cháy : NA	Mật độ hơi : NA
Áp suất hơi : NA	Độ tan : tan
Tỷ trọng (nước=1) : 0.94	Mức độ bay hơi : NA
Hệ số phân bố (n-octanol/nước,log Kow) : NA	Tính chất cháy nổ : NA
Tính oxy hóa : NA	Ngưỡng gây mùi(đầu dò) : NA
Ngưỡng gây mùi (cảm giác) : NA	

10. KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG VÀ TÍNH ỔN ĐỊNH

Tính ổn định : Không xảy ra phản ứng trùng hợp nguy hiểm.
Tính an toàn hóa học : Ổn định trong điều kiện bình thường.
Phản ứng nguy hiểm có thể xảy ra trong trường hợp đặc biệt: NA
Trường hợp cần tránh : Tránh nhiệt độ vượt quá điểm chớp cháy hoặc tiếp xúc với các vật liệu không tương thích.
Hoá chất nên tránh : Không có dữ liệu
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm : Carbon Dioxide, Carbon Monoxide

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Con đường tiếp xúc / triệu chứng :
Con đường tiếp xúc

Nuốt phải, tiếp xúc với da, tiếp xúc với mắt, hít vào
Triệu chứng
Kích ứng, buồn nôn, ói mửa, đau đầu, chóng mặt, buồn ngủ

Độc cấp tính

Tiếp xúc với nồng độ hơi dung môi của các thành phần vượt quá giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp quy định có thể có những ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, chẳng hạn như viêm niêm mạc và hệ thống hô hấp và ảnh hưởng xấu đến thận, gan và hệ thần kinh trung ương. Các triệu chứng bao gồm nhức đầu, buồn nôn, chóng mặt, mệt mỏi, yếu cơ, hôn mê và trong trường hợp nghiêm trọng là mất ý thức.

Tiếp xúc nhiều lần hoặc lâu dài với sản phẩm có khả năng gây khô da, kích ứng hoặc viêm da tiếp xúc không dị ứng. Dung môi cũng có thể được hấp thụ qua da. Chất lỏng bắn vào mắt có thể gây kích ứng và đau đớn và các vết thương có thể chữa lành khác.

Thành phần	Đường miệng LD50, mg/kg	Da LD50, mg/kg	Hít vào hơi LC50, mg/L/4hr	Hít vào Bụi / sương mù LC50, mg/L/4hr	Hít vào dạng khí LC50, ppm
Methyl ethyl ketone - (78-93-3)	NA	6,480.00, thỏ - cấp độ nguy hại: NA	32.00, chuột – cấp độ nguy hại: NA	NA	NA
Acetone - (67-64-1)	5,800.00, chuột – cấp độ nguy hại: NA	7,426.00, thỏ - cấp độ nguy hại: NA	76.00, chuột – cấp độ nguy hại: NA	50.10, chuột - cấp độ nguy hại: NA	NA
Sodium dichlorisocyanuric acid - (2893-78-9)	1,436.00, chuột – cấp độ nguy hại: 4	>5,000.00, chuột - cấp độ nguy hại: không	NA	NA	NA

Lưu ý: Nếu dữ liệu LD50 của đường dùng cụ thể không có sẵn cho độc tính cấp tính, khi tính toán sản phẩm ATE (Ước tính độc cấp tính) có thể sử dụng điểm ước tính độc cấp tính.

Dữ liệu về chất gây ung thư

Số CAS	Thành phần	Nguồn tư liệu	Giá trị
78-93-3	Methyl ethyl ketone	OSHA	Chất gây ung thư bị kiểm soát: Không
		NTP	Đã biết: Không; Nghi ngờ: Không
		IARC	Nhóm 1: Không; Nhóm 2A: Không; Nhóm 2B: Không; Nhóm 3: Không; Nhóm 4: Không;
67-64-1	Acetone	OSHA	Chất gây ung thư bị kiểm soát: Không
		NTP	Đã biết: Không; Nghi ngờ: Không
		IARC	Nhóm 1: Không; Nhóm 2A: Không; Nhóm 2B: Không; Nhóm 3: Không; Nhóm 4: Không;
2893-78-9	Sodium dichlorisocyanuric acid	OSHA	Chất gây ung thư bị kiểm soát: Không
		NTP	Đã biết: Không; Nghi ngờ: Không
		IARC	Nhóm 1: Không; Nhóm 2A: Không; Nhóm 2B: Không; Nhóm 3: Không; Nhóm 4: Không;

Độc mãn tính hoặc độc tính lâu dài : NA

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính sinh thái

Có độc với sinh vật thủy sinh.

Độc tính đối với sinh vật dưới nước vô cùng lớn và có ảnh hưởng lâu dài

Sản phẩm này không có tài liệu bổ sung nào khác. Thông tin riêng về từng thành phần hóa học có thể tham khảo tại mục số 3.

Thành phần	96 h LC50 cá, mg/l	48 hr EC50 giáp xác, mg/l	ErC50 Rong biển, mg/l	Khả năng phân hủy sinh học %
Methyl ethyl ketone - (78-93-3)	2,993.00, cá tuế đầu bệt	308.00, rận nước	2,029.00 (96 hr), Pseudokirchnerella subcapitata	98.00
Acetone - (67-64-1)	8,120.00, cá sóc	8,800.00, Rận nước	7,000.00 (96 hr), vi tảo Pseudokirchneriella	90.90
Sodium dichlorisocyanuric acid - (2893-78-9)	0.40, Cá mang xanh	0.196, Rận nước	5,001.00 (72 hr), Navicula Pelliculosa	Dễ dàng phân hủy sinh học

Sự tích tụ và chu kỳ phân rã :

không có dữ liệu liên quan.

Khả năng tích lũy sinh học :

không có dữ liệu liên quan.

Ảnh hưởng đến độ màu mỡ của đất :

không có dữ liệu liên quan.

Kết quả đánh giá PBT và vPvB :

sản phẩm này không bao gồm hóa chất PBT/vPvB

Những ảnh hưởng khác :

không có dữ liệu liên quan.

13. PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ PHẾ THẢI

Các phương pháp xử lý chất thải:

Tuân thủ tất cả các quy định của liên bang, tiểu bang và địa phương khi thải bỏ chất này.

14. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

	DOT	IMO / IMDG	ICAO/IATA
Số UN	UN1993	UN1993	UN1993

Tên vận chuyển UN	Dung dịch dễ cháy, chưa có quy định cụ thể	Dung dịch dễ cháy, n.o.s., (Methyl ethyl ketone , Acetone, Sodium dichlorisocyanuric acid)	Dung dịch dễ cháy, n.o.s., (Methyl ethyl ketone, Acetone, Sodium dichlorisocyanuric acid)
Phân loại độc tính	DOT Hazard Class: 3	IMDG: 3 Sub Class: NA	Air class: 3
Thẻ loại đóng gói	II	II	II
Số hướng dẫn ERG	128		
Gây ô nhiễm biển (Có / Không)	Không		
Quy định đặc biệt khi vận chuyển:	NA		

15. THÔNG TIN PHÁP LUẬT

Quy định áp dụng :

Luật an toàn vệ sinh lao động

Luật quản lý các chất hóa học độc hại và đáng lo ngại

Tiêu chuẩn tiếp xúc cho phép ở nơi làm việc

Ghi nhãn hóa chất nguy hiểm và các quy tắc kiến thức chung

Các biện pháp quản lý chỉ định và vận hành đối với hóa chất quản lý ưu tiên

Phương pháp xử lý, loại bỏ và lưu giữ chất thải công nghiệp

Các biện pháp quản lý đối với việc vận chuyển các chất độc hại và hóa chất cần quan tâm:

Theo như chúng tôi được biết, không có hóa chất nào trong sản phẩm này nằm trong danh sách, hoặc vượt quá mức kiểm soát hợp pháp cần được khai báo.

Các biện pháp quản lý chỉ định và vận hành đối với hóa chất quản lý ưu tiên 1. Các hóa chất được chỉ định tại Điều 2, khoản 2, mục 1:

Sodium dichlorisocyanuric acid

Các biện pháp quản lý chỉ định và vận hành đối với hóa chất quản lý ưu tiên 1. Các hóa chất được chỉ định tại Điều 2, khoản 2, mục 2:

Acetone

Methyl ethyl ketone

Sodium dichlorisocyanuric acid

Dung môi hữu cơ OSHA:

Acetone

Methyl ethyl ketone

Các chất hóa học cụ thể, Taiwan OSHA:

Theo như chúng tôi được biết, không có hóa chất nào trong sản phẩm này nằm trong danh sách, hoặc vượt quá mức kiểm soát hợp pháp cần được khai báo.

Các chất được quản lý cụ thể, Taiwan OSHA:

Theo như chúng tôi được biết, không có hóa chất nào trong sản phẩm này nằm trong danh sách, hoặc vượt quá mức kiểm soát hợp pháp cần được khai báo.

Giám sát môi trường hoạt động dung môi hữu cơ, Taiwan OSHA:

Acetone

Methyl ethyl ketone

Giám sát môi trường hoạt động các chất hóa học cụ thể

Theo như chúng tôi được biết, không có hóa chất nào trong sản phẩm này nằm trong danh sách, hoặc vượt quá mức kiểm soát hợp pháp cần được khai báo.

Hồ sơ giám sát của các chất hóa học được lưu giữ trong 30 năm, Taiwan OSHA:

Theo như chúng tôi được biết, không có hóa chất nào trong sản phẩm này nằm trong danh sách, hoặc vượt quá mức kiểm soát hợp pháp cần được khai báo.

Giám sát môi trường hoạt động dung môi hữu cơ, Taiwan OSHA:

Methyl ethyl ketone

Giám sát môi trường hoạt động các chất hóa học cụ thể
Theo như chúng tôi được biết, không có hóa chất nào trong sản phẩm này nằm trong danh sách, hoặc vượt quá mức kiểm soát hợp pháp cần được khai báo.

Hồ sơ giám sát của các chất hóa học được lưu giữ trong 30 năm, Taiwan OSHA:
Theo như chúng tôi được biết, không có hóa chất nào trong sản phẩm này nằm trong danh sách, hoặc vượt quá mức kiểm soát hợp pháp cần được khai báo.

Hồ sơ giám sát của các chất hóa học được lưu giữ trong 30 năm, Taiwan OSHA:

16. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Ghi chú	<p>Thông tin và khuyến nghị trong tài liệu này dựa trên dữ liệu được cho là chính xác. Tuy nhiên, không cung cấp bất kỳ hình thức bảo đảm nào đối với thông tin có trong tài liệu này. Chúng tôi không chịu trách nhiệm và từ chối mọi trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ tác động có hại nào có thể gây ra khi tiếp xúc với sản phẩm của chúng tôi trong trường hợp sản phẩm này bị tiết lộ ra ngoài. Khách hàng / người sử dụng sản phẩm này phải tuân thủ tất cả các luật, quy định và điều lệnh hiện hành về sức khỏe và an toàn.</p>
----------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Page 11 of 11